

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ – Lần sửa đổi 01**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 07/11/2007 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/04/2019;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ban hành kèm theo quyết định số 117/QĐ-TMHPC-HĐQT ngày 14/6/2011 của Hội đồng Quản trị;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-TMHPC-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ;

Căn cứ Nghị quyết số 226/NQ-TMHPC-HĐQT ngày 26/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ – Lần sửa đổi 01.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2019 và thay thế cho Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được ban hành theo Quyết định số 23/QĐ-TMHPC-HĐQT ngày 02/03/2009 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Điều 3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các đơn vị, Cá nhân liên quan và Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh



EVNGENCO 2
HPC THÁC MƠ

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ

Bình Phước, tháng 04 năm 2019

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được xây dựng căn cứ theo các văn bản pháp luật như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ban hành phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp bao gồm HĐQT, HĐQT, BKS và TGD.

3. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc và Người điều hành khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ;
2. Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của Cổ đông;
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban TGD và Người điều hành khác của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;

4. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

a. *Quản trị Công ty* là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các Cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b. *Điều lệ Công ty* là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, bao gồm các nội dung, văn bản của Điều lệ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

c. *DHĐCĐ* là Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

d. *HDQT* là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

e. *BKS* là Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

f. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác được HĐQT phê chuẩn.

g. *Ban Tổng Giám đốc* bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

h. *TGD* là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

i. *Công ty* là Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ hoặc văn bản pháp luật, bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. HĐQT Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. HĐQT Công ty chốt danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, Công ty sẽ thông báo cho Cổ đông xác nhận trước việc tham dự bằng cách gửi Phiếu đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông đến Công ty bằng một trong các hình thức sau: Fax, Email, hoặc đăng ký trực tiếp với HĐQT Công ty.

3. Trường hợp Cổ đông không thể tham dự trực tiếp thì có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

4. Việc đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 20 của Điều lệ Công ty. Cổ đông khi tham dự Đại hội mang theo CMND/Căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản chính) để xuất trình khi đăng ký.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến

muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Hình thức và cách thức sử dụng Thẻ biểu quyết được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của Đại hội. Quy chế làm việc của Đại hội đồng Cổ đông sẽ được đại biểu Cổ đông biểu quyết thông qua trước khi tiến hành Đại hội.

Điều 8. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá năm (05) người.

2. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, số thẻ có ý kiến khác được thu sau cùng, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền được xem là có tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

4. Trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS:

a. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội;

e. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT,

BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Công ty nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử để phòng tránh sai sót.

Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận vào biên bản kiểm phiếu.

Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 10. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Công bố Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu, nghị quyết trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp Luật Chứng khoán.

Điều 13. Việc Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Việc Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Chương III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 14. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;
3. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác.

Điều 15. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ được tiến hành theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, trong đó Cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi

ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; Hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó. Số lượng ứng cử viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

3. HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được thông báo và công bố thông tin theo quy định của pháp Luật về chứng khoán.

Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông và công bố tối thiểu

mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

Chương IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC

TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

2. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 22. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 31 Điều lệ Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại điểm 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 24. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp HĐQT phải ghi đầy đủ, rõ ràng và trung thực; Được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 25. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết của HĐQT phải được gửi đến thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các bên liên quan khác.

2. Việc công bố thông tin các nghị quyết HĐQT theo quy định của pháp Luật về chứng khoán.

Chương V

ĐỀ CỬ, ÚNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 27. Cách thức Cổ đông, nhóm Cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 28. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc bầu cử Kiểm soát viên tại ĐHĐCĐ được tiến hành theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu

biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

2. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Kiểm soát viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán.

Chương VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.

Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

1. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương VII

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 33. Các tiêu chuẩn của người điều hành Công ty

1. Tiêu chuẩn của người điều hành Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Hệ thống quản lý Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có 01 Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc,

01 Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

3. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 34. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và ký kết hợp đồng lao động với người điều hành Công ty

1. Đối với Tổng Giám đốc Công ty

a. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc Công ty; Ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm hoặc theo quyết định của HĐQT và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

2. Đối với Người điều hành khác

a. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với người điều hành khác do HĐQT quyết định trên cơ sở quy định của pháp luật.

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty phải được thông báo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Chương VIII

**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 36. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

1. Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều mời các thành viên BKS tham dự. Một số cuộc họp cần thiết HĐQT có thể mời các đơn vị và cá nhân có liên quan tham dự họp.

2. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.

3. Toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của HĐQT phải được cung cấp cho BKS và Tổng Giám đốc Công ty vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

4. Việc triệu tập, thông báo mời họp, ghi chép biên bản, thông báo kết quả cuộc họp đối với các cuộc họp do HĐQT tổ chức được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 37. Các trường hợp TGD và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa TGD và HĐQT.

2. Khủng hoảng mà việc xử lý vượt thẩm quyền của TGD.

3. Các giao dịch mà TGD là một bên liên quan.

3. Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

4. Các nội dung vượt thẩm quyền theo uỷ quyền của HĐQT đối với TGD.

Điều 38. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. TGD có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ (tháng, quý, năm) và khi có yêu cầu.

2. Khi cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu người điều hành Công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 39. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của HĐQT đối với TGD

Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT.

Điều 40. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin được quy định tại Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Tổng giám đốc phải báo cáo các vấn đề khác khi có yêu cầu của HĐQT, BKS.

2. Việc cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc cho HĐQT và BKS phải tuân theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Tổng Giám đốc gửi báo cáo bằng văn bản hoặc báo cáo các vấn đề trên trong các cuộc họp HĐQT.

Điều 41. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. BKS có quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực thi nhiệm vụ. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS.

2. BKS tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông; Chịu trách nhiệm về những đánh giá và kết luận của mình.

3. Các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ, quy chế Công ty.

4. Trong trường hợp cấp bách, các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc Công ty có thể thông tin ngay cho Chủ tịch HĐQT hay Trưởng BKS hay Tổng Giám đốc hay cả ba thành phần để được giải quyết một cách hiệu quả.

Chương IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN,

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác

HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong Công ty trên cơ sở căn cứ vào Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận, đơn vị của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 43. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, BKS, Ban điều hành; TGD trình HĐQT (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Chế độ khen thưởng, nguồn kinh phí khen thưởng và mức khen thưởng: Theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 44. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, thành viên Ban điều hành và cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, thành viên Ban điều hành và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT;

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty phải được thông báo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG XI

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 50. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ do HĐQT xem xét và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt.

2. Trong trường hợp những quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc trong trường hợp có những quy định mới khác với những điều khoản trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty này thì những quy định mới đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 51. Hiệu lực áp dụng

1. Quy chế này được HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2019.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2019 và thay thế cho Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được ban hành theo Quyết định số 23/QĐ-TMHPC-HĐQT ngày 02/03/2009 của HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Huỳnh Văn Khánh